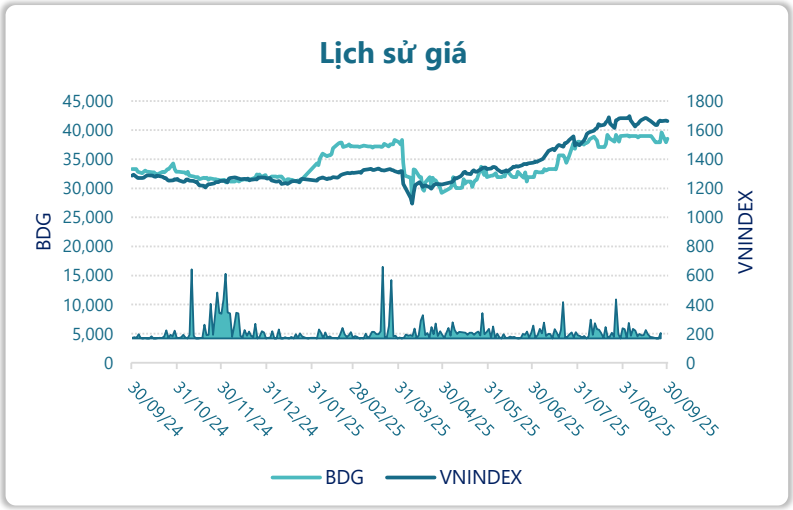
FireAnt

CTCP May mặc Bình Dương (UPCOM: BDG)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**38,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	39,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	28,162
SL cổ phiếu LH	24,799,920
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,115
% sở hữu nước ngoài	1.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	955
P/E	6.3
EPS	6,136

DT thuần

Q3/25

473

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.0| 2.5%

YoY: ▼32.0| -6.3%

LN sau thuế

Q3/25

30.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.4| -25.4%

YoY: ▼1.50| -4.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

8.2%

+/- YoY: ▲ 0.1%

DT thuần

9T 2025

1,290

tỷ VNĐ

YoY: ▼21.0| -1.6%

LN sau thuế

9T 2025

84.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼11.2| -11.8%

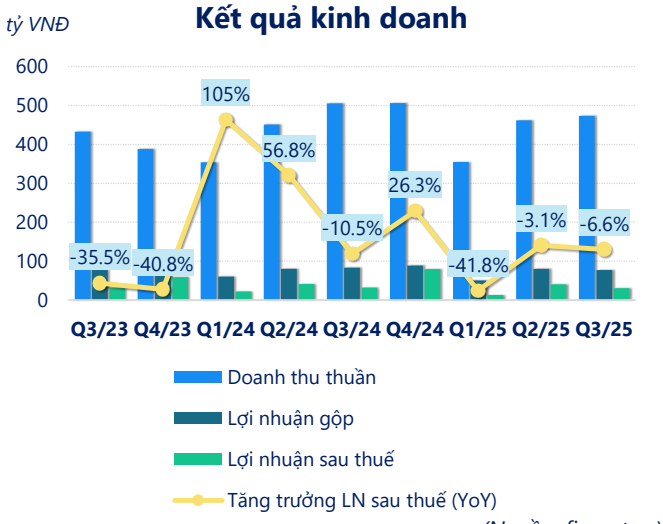
ROE

Q3/25

24.6%

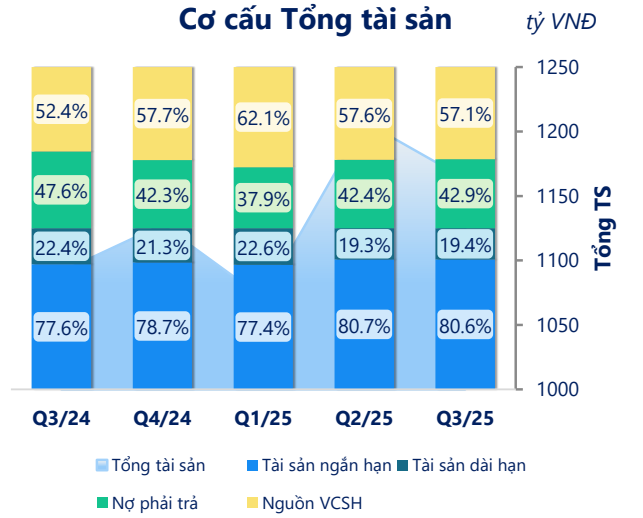
+/- YoY: ▼ 2.4%

Kết quả kinh doanh



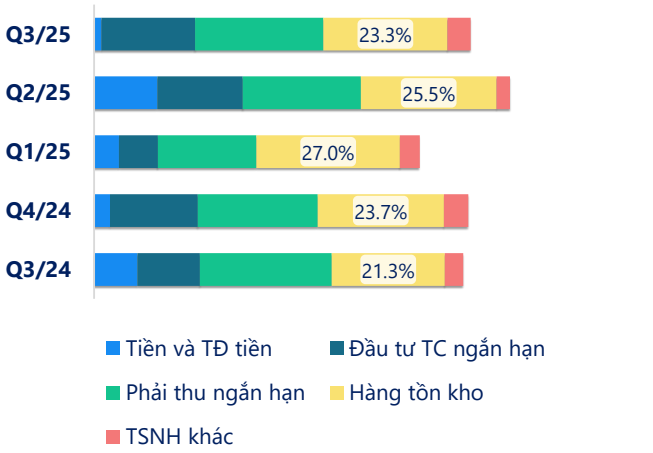
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



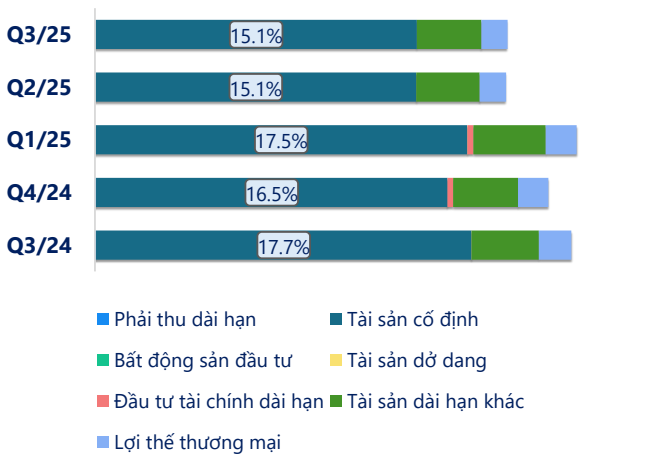
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



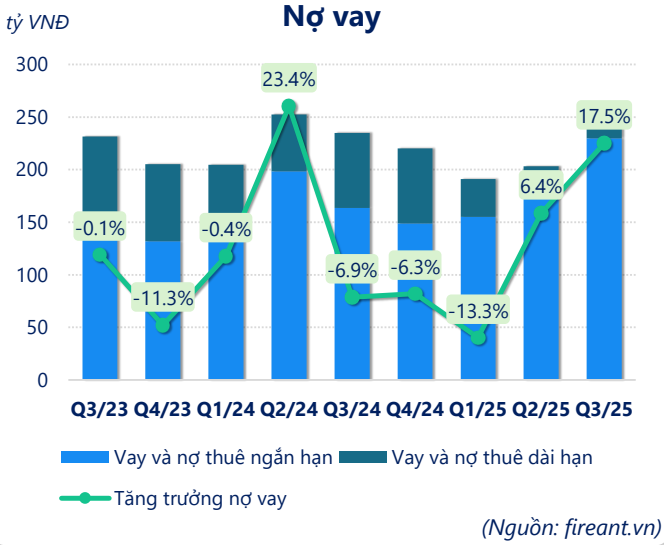
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



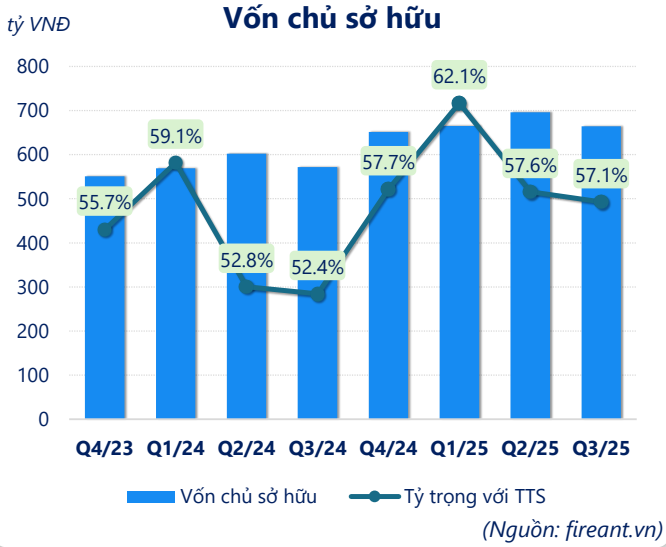
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



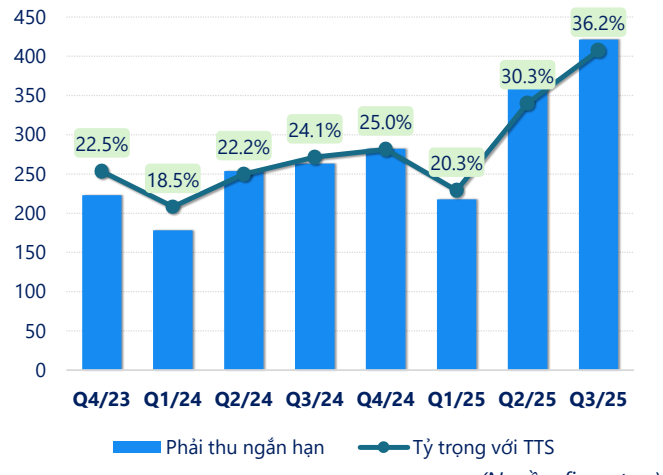
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



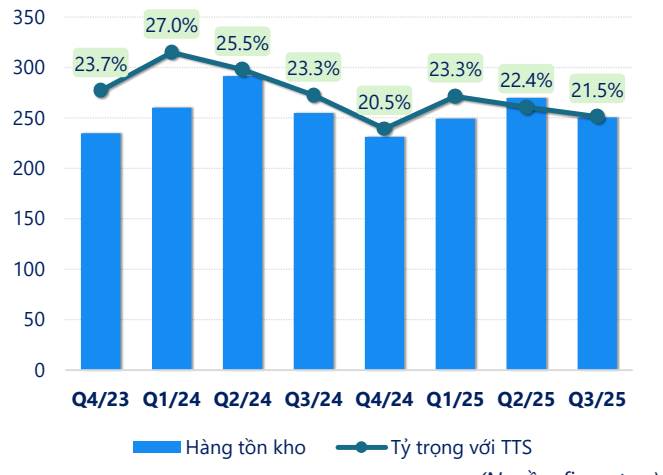
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



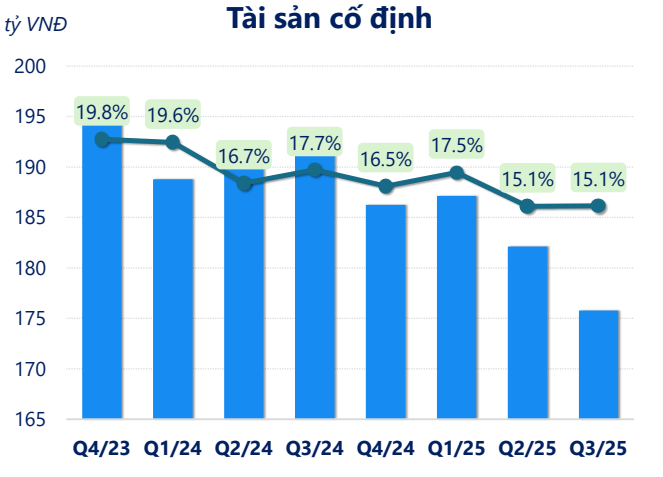
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



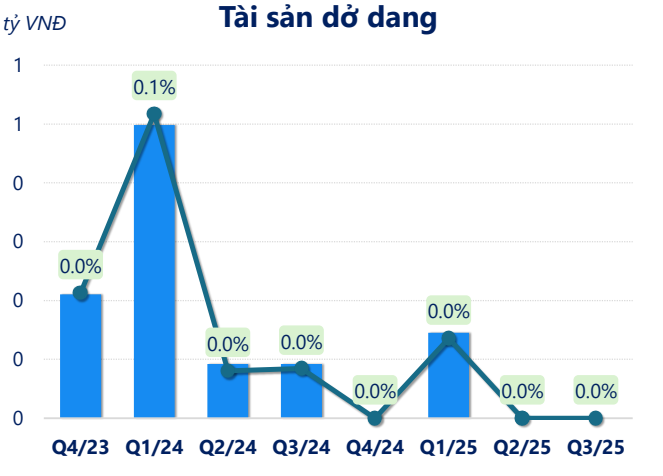
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



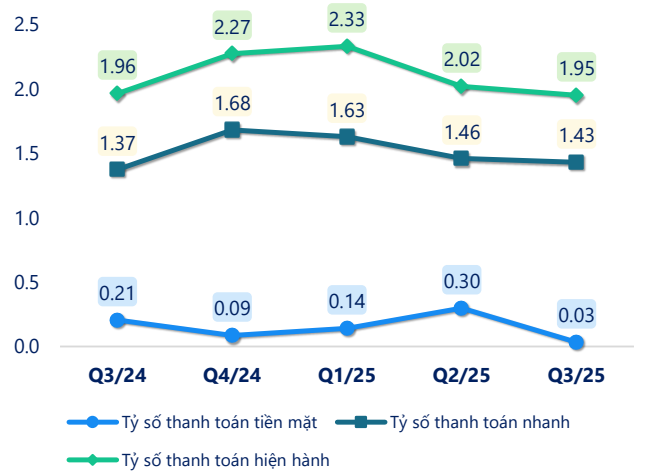
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



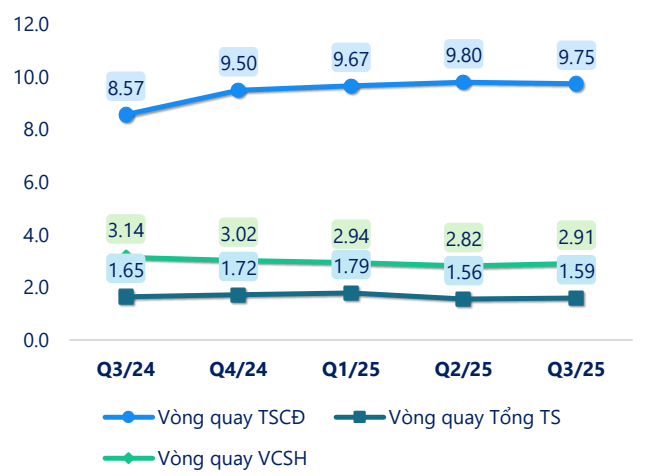
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,091**	**1,128**	**1,071**	**1,208**	**1,163**
Tài sản ngắn hạn	**847**	**887**	**828**	**974**	**938**
Tiền và tương đương tiền	88.7	33.7	50.3	144	15.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	192	280	235	150	184
Phải thu ngắn hạn	263	282	218	365	421
Hàng tồn kho	255	231	249	270	250
Tài sản ngắn hạn khác	47.7	59.9	75.6	44.8	66.6
Tài sản dài hạn	**244**	**240**	**242**	**233**	**226**
Phải thu dài hạn	0.52	0.61	0.20	0.28	0.28
Tài sản cố định	193	186	187	182	176
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.09	0	0.15	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	3.00	3.00	0	0
Tài sản dài hạn khác	34.5	34.4	36.4	36.0	35.3
Lợi thế thương mại	16.7	16.1	15.6	15.0	14.5
Nợ phải trả	**520**	**477**	**406**	**512**	**499**
Nợ ngắn hạn	**431**	**390**	**355**	**482**	**481**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	164	149	155	185	230
Phải trả người bán ngắn hạn	126	121	132	184	135
Nợ dài hạn	88.5	86.3	50.1	29.5	18.5
Vay và nợ thuê dài hạn	71.4	71.4	35.9	17.9	8.92
Nguồn vốn chủ sở hữu	**572**	**651**	**665**	**696**	**664**
Vốn chủ sở hữu	**572**	**651**	**665**	**696**	**664**
Vốn điều lệ	248	248	248	248	248
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)